



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 03

Ngày 15 tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|--|----|
| 13-10-2017- | Quyết định số 5450/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Hóc Môn. | 2 |
| 09-11-2017- | Quyết định số 5944/QĐ-UBND về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án Vòng xoay giao lộ Âu Cơ - Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú. | 10 |
| 10-11-2017- | Quyết định số 5949/QĐ-UBND v/v phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước, huyện Bình Chánh giai đoạn 2016 - 2020. | 13 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5450/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2017***QUYẾT ĐỊNH****Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017
của huyện Hóc Môn**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn tại Tờ trình số 4342/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2017; đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9246/TTr-STNMT-QLĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Hóc Môn với các chỉ tiêu chủ yếu như sau

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2017

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (Đơn vị tính: ha)											
				TT Hóc Môn	Tân Hiệp	Nhi Bình	Đông Thạnh	Tân Thới Nhì	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Sơn	Tân Xuân	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Xuân Thới Thượng	Bà Điểm
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... (16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính		10.917,21	173,77	1.194,89	844,45	1.278,47	1.723,94	893,69	1.498,03	274,63	299,22	177,03	1.856,89	702,21
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.193,43	20,68	595,65	482,34	626,59	802,02	311,80	873,83	56,80	75,48	23,62	1.149,82	174,81
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.664,17	3,46	284,57		165,42	405,39	10,42	206,41		1,69		585,96	0,85
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	287,31	0,42				83,38		27,67				175,84	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.425,20	8,80	173,82	255,56	400,23	130,81	282,25	292,67	59,88	73,08	19,32	556,64	172,15
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.058,82	8,42	127,07	221,73	50,70	265,77	17,39	363,97	-3,08	0,45	4,12	1,29	1,01
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS													
1.8	Đất làm muối	LMU	43,59		8,82	5,05	10,24	0,05	1,47	10,78		0,26	0,18	5,93	0,81
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH													
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.719,24	153,09	599,12	361,46	648,46	921,63	581,89	624,20	217,83	223,74	153,41	707,08	527,34
2.1	Đất quốc phòng	CQP	58,45	0,16	44,98			11,29	2,02						
2.2	Đất an ninh	CAN	6,53	0,57		1,39				0,98				3,59	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK													

2.4	Đất khu chế xuất	SKT													
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,64							62,64					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,54	1,13	16,48	0,19	5,58	0,78	1,21	1,92	0,84	3,70	0,11	0,58	0,02
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	344,16	1,80	57,88	10,81	36,45	46,88	24,59	61,70	6,65	19,00	3,60	30,26	44,54
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.9	Đất PTHH cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.745,22	38,23	173,21	72,23	114,59	669,03	113,43	171,85	43,31	48,38	29,57	166,21	105,18
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	9,14							0,09				9,05	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL													
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	39,97	0,02			39,95			0,00					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.867,20		270,78	154,25	326,91	170,97	413,05	290,72	156,60	139,98	107,54	473,93	362,47
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	106,50	106,47		0,03									
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,06	2,24	0,42	1,17	0,58	0,50	0,37	1,96	0,45	1,20	0,53	0,32	0,32
2.16	Đất xây dựng trụ sở của TCSN	DTS	1,38	0,12	0,39			0,82					0,05		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	28,04	0,92	5,68	1,28	3,19	3,88	1,88	0,64	1,11	4,24	3,37	0,50	1,35
2.19	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	143,20	0,99	21,59	0,55	21,36	14,19	23,64	11,20	8,08	6,79	6,40	15,90	12,52
2.20	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	0,16		0,16										
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,47	0,08	0,28	0,43	0,30	0,15	0,13	0,75	0,31	0,09	0,16	0,18	0,61
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,02				3,34	0,62			0,06				

2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6,76	0,36	1,00	0,36	1,47	0,30	1,56	0,22	0,42	0,15	0,16	0,43	0,33
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	192,03		0,53	118,25	49,95			17,36				5,94	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	10,32		5,74			2,22		2,17				0,19	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	47,45			0,52	44,79	0,01				0,21	1,92		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	4,54		0,12	0,65	3,42	0,29							0,06
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN													
5	Đất khu kinh tế*	KKT													
6	Đất đô thị*	KDT	173,77	173,77											

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2017

Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã LD	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (Đơn vị tính: ha)											
			TT.Hóc Môn	Tân Hiệp	Nhi Bình	Đông Thạnh	Tân Thới Nhi	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Sơn	Tân Xuân	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Xuân Thới Thượng	Bà Điểm
Đất nông nghiệp	NNP	34,82	3,47	4,14	4,10	1,56	5,84	5,10	2,01	1,18		0,49	1,22	5,71
Đất trồng lúa	LUA	11,08	0,34	1,22		0,30	2,26	2,77	0,40				1,12	2,67
<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>													
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	18,76	3,13	1,80	2,17	0,62	3,47	2,29	1,50	1,18		0,49	0,10	2,01
Đất trồng cây lâu năm	CLN	4,98		1,12	1,93	0,64	0,11	0,04	0,11					1,03
Đất rừng phòng hộ	RPH													
Đất rừng đặc dụng	RDD													
Đất rừng sản xuất	RSX													
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS													
Đất làm muối	LMU													
Đất nông nghiệp khác	NKH													
Đất phi nông nghiệp	PNN	27,94	0,12	1,88	0,28	13,57	0,90	1,93	0,00	4,23	0,82	0,68	0,10	3,43
Đất quốc phòng	CQP	0,04		0,04										
Đất an ninh	CAN													
Đất khu công nghiệp	SKK													
Đất khu chế xuất	SKT													
Đất cụm công nghiệp	SKN													
Đất thương mại, dịch vụ	TMD													
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,74				0,17	0,81	0,74						0,02
Đất SD cho hoạt động khoáng sản	SKS													
Đất PT hạ tầng cấp quốc gia,	DHT	0,00	0,00	0,00		0,00		0,00		0,00				0,00

T,H,X													
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT												
Đất danh lam thắng cảnh	DDL												
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,00							0,00				
Đất ở tại nông thôn	ONT	23,62		1,70	0,28	12,82	0,09	1,12		4,23		0,10	3,28
Đất ở tại đô thị	ODT	0,12	0,12										
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,13				0,07		0,06					
Đất xây dựng trụ sở của TCSN	DTS												
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG												
Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,05											0,05
Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	2,09				0,51				0,82	0,68		0,08
Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX												
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH												
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV												
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,01						0,01					
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON												
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,14		0,14									
Đất phi nông nghiệp khác	PNK												

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

5. Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5944/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ,
tái định cư của Dự án Vòng xoay giao lộ Âu Cơ - Lũy Bán Bích,
phường Tân Thành, quận Tân Phú**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất ở ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của quận Tân Phú;

Xét Công văn số 889/UBND-NĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Công văn số 485/UBND-NĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về đề xuất giá bồi thường tại thời điểm T2 để thực hiện Dự án Vòng xoay giao lộ Âu Cơ - Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú;

Theo ý kiến thẩm định của Hội đồng Thẩm định Giá đất thành phố tại Thông báo số 249/TB-HĐTĐGD-BVG ngày 07 tháng 8 năm 2017; đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8738/TTr-TNMT-KTĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 và Công văn số 9900/STNMT-KTĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án Vòng xoay giao lộ Âu Cơ - Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú như sau:

1. Đối với đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ

STT	Vị trí	Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
01	Vị trí 1, đường Âu Cơ (nhà số 845A, đường Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú)	4,7106

2. Đối với đất ở để bố trí tái định cư

STT	Vị trí	Hệ số điều chỉnh giá đất (K)
01	Thửa đất số 309, tờ bản đồ số 08, (theo tài liệu 2005) phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú	3,600

3. Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ đất áp dụng đối với nhà đất có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ, đủ điều kiện để tính bồi thường về đất.

4. Đơn giá đất để tính trừ nghĩa vụ tài chính đối với hộ gia đình, cá nhân chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính áp dụng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5949/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí
xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước, huyện Bình Chánh
giai đoạn 2016 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn thành phố giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây

dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2020 và Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế quản lý đầu tư xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố, ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010-2020 và Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 2781/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 26 tháng 10 năm 2017 về Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, giai đoạn 2016 - 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước, huyện Bình Chánh giai đoạn 2016 - 2020 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông

thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các Sở - ngành liên quan, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đa Phước có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới
xã Đa Phước, huyện Bình Chánh giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

PHẦN I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN MỚI XÃ ĐA PHƯỚC, HUYỆN BÌNH CHÁNH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Điều kiện tự nhiên

Xã Đa Phước, huyện Bình Chánh nằm về phía Đông Nam của ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 28 km.

- Phía Bắc giáp xã Phong Phú, huyện Bình Chánh;
- Phía Đông giáp xã Long Hậu, Cần Giuộc;
- Phía Tây giáp xã Hưng Long, huyện Bình Chánh;
- Phía Nam giáp xã Qui Đức, huyện Bình Chánh và tỉnh Long An.
- Xã Đa Phước được chia ra làm 5 ấp, bao gồm: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5.

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Đa Phước là 1.610,32 ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 954,18 ha chiếm 59,3% diện tích của xã; đất phi nông nghiệp 656,14 ha chiếm 40,7% diện tích đất của xã; đất chưa sử dụng là 0,00 ha.

2. Dân số lao động

Dân số toàn xã là 21.923 nhân khẩu trong đó thường trú là 15.547 nhân khẩu, tạm trú là 6.376 nhân khẩu; 5.291 hộ gia đình trong đó thường trú là 3.550 hộ, tạm trú là 1.741 hộ; mật độ dân số bình quân 1.323 người/km². Tỷ lệ tăng dân số cơ học là 24%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,09%.

Nguồn nhân lực trẻ dồi dào, lao động trong độ tuổi 12.224 lao động, trong đó:

+ Nông nghiệp: 2.048 người, tương ứng 170 hộ;

+ Phi nông nghiệp: 10.001 người, tương ứng 5.056 hộ.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch (Tiêu chí số 01)

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn:

- Đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quyết định số 6615/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013 về phê duyệt Đồ án quy hoạch nông thôn mới xã Đa Phước. Đã công khai quy hoạch vào tháng 11 năm 2015 bằng các hình thức: họp dân; công khai thông tin, bản đồ quy hoạch tại Ủy ban nhân dân xã, Văn phòng ấp, các điểm sinh hoạt nhân dân.

- Đã thực hiện quy hoạch sử dụng đất 2010 - 2020, tỉ lệ 1/2000.

- Lập quy hoạch sử dụng đất để phân vùng sản xuất nông nghiệp và xây dựng nhà ở trên địa bàn xã do quy hoạch xây dựng 1/2000 chưa phủ kín.

1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch:

- Đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch nông thôn mới xã Đa Phước tại Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1 Giao thông (Tiêu chí số 02)

- Đường trục xã, liên xã: tuyến đường Quốc Lộ 50 đi qua xã Đa Phước với chiều dài 3,6km.

- Đường trục ấp: trong giai đoạn 2013 - 2015 đã đầu tư 01 tuyến đường bê tông xi măng dài 1,615km; 03 tuyến đường láng nhựa chiều dài 4,255km, nâng cấp đá dăm 07 tuyến đường chiều dài 13,912km. Có 6,870km đã được bê tông hóa (theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải) chiếm 24,2%, có 02 tuyến đường Đa Phước và đường Liên ấp 4-5, tổng chiều dài 6,344km vốn ngân sách tập trung đã được phê duyệt láng nhựa nhưng chưa triển khai thực hiện. Có 07 tuyến đường đã được đầu tư

nâng cấp trong giai đoạn 2013 - 2015 từ đường đá dăm trứng thắp rộng từ 2,5m đến 3m thành đường đá dăm nâng cao độ từ 1m + 1,5m; rộng 5m - 6m, người dân đã hiến đất 100% để thực hiện. Trong giai đoạn 2013 - 2015, các tuyến đường này đã đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân trong khu vực.

- Đường hẻm, tổ: trong giai đoạn 2013 - 2015 đã được đầu tư đạt chuẩn 7,288km (trong đó 4,876km đầu tư từ ngân sách nhà nước; 2,412km nhân dân tự thực hiện) chiếm 48,3%

- Đường trục chính nội đồng: trên địa bàn xã không có công trình nội đồng.

2.2 Thủy lợi (Tiêu chí số 03)

- Toàn xã có 27 tuyến sông, kênh và rạch với tổng chiều dài khoảng 48,719 km cơ bản đáp ứng yêu cầu dân sinh, tỷ lệ hệ thống thủy lợi đảm bảo nhu cầu sản xuất là 43,847km/48,719km (90%). Tuy nhiên hệ thống kênh rạch còn 12 tuyến bị bồi lắng cần nạo vét (04 tuyến kênh dài 2.907m và 08 tuyến rạch dài 14.444m) để đảm bảo điều kiện tiêu thoát nước và giữ nước cho sản xuất nông nghiệp và thoát nước cho các khu dân cư.

- Theo Đề án xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết số 2506/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2013: đã thực hiện 20/28 điểm cống thủy lợi phục vụ tưới tiêu, sản xuất còn 08/28 điểm cống chuyển tiếp sang thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 để đồng bộ trong dự án đường Liên ấp 4 - 5 và đường Đa Phước.

2.3 Điện (Tiêu chí số 04)

- Xã có 79 trạm biến áp, tổng dung lượng 20.848 KVA.

- Tổng số đường dây hạ thế: 43,2km đạt chuẩn 100%; tổng chiều dài đường dây trung thế: 27,6 km, trong đó 25,9 km đạt chuẩn (đạt 94%).

- Tỷ lệ hộ dùng điện an toàn từ lưới điện quốc gia đạt 100% (5.291 hộ/5.291 hộ).

2.4 Trường học (Tiêu chí số 05)

Trên địa bàn xã Đa Phước có đầy đủ trường ở các cấp học, 01 trường mẫu giáo, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở, 01 trường trung học phổ thông. Trong đó, có trường tiểu học và trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, trường trung học cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục, trường trung học phổ thông đạt chuẩn cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn quốc gia.

2.5 Cơ sở vật chất văn hóa (Tiêu chí số 06)

- Trên địa bàn xã có 4/5 trụ sở ấp gắn với tụ điểm sinh hoạt văn hoá đã được xây dựng mới, sửa chữa khang trang, với diện tích khuôn viên mỗi điểm từ 150 m² đến 250 m²; tại mỗi trụ sở ấp đều có trang bị bàn ghế phục vụ các hội nghị nhân dân, dụng cụ thể thao đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu giao lưu, sinh hoạt của người dân.

- Xã chưa có nhà văn hóa, chưa có trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Nhà văn hóa xã, trụ sở Ủy ban nhân dân xã đã được phê duyệt danh mục đầu tư trong Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015 nhưng chưa có vị trí đất thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đang xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố về sử dụng 02ha từ Khu tái định cư 12ha xã Đa Phước để thực hiện công trình này (theo Công văn số 1646/UBND về việc xin chủ trương thay đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng Khu tái định cư 12ha tại xã Đa Phước).

- Theo Đề án xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2013: đã đầu tư xây dựng 03/04 công trình Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa và 01 Văn phòng ấp từ nguồn kinh phí khen thưởng.

2.6 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Tiêu chí số 07)

- Trên địa bàn xã chưa có chợ, toàn xã hiện có 03 điểm mua bán tự phát vào buổi sáng nhằm phục vụ nhu cầu mua sắm sinh hoạt hàng ngày của người dân, các điểm được bố trí tại 2 ấp (ấp 1, 4). Hiện chưa tìm được quỹ đất để kêu gọi đầu tư xây dựng chợ. Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015 đã có duyệt danh mục xây dựng Chợ (vốn doanh nghiệp) nhưng chưa tìm được nhà đầu tư.

- Có 01 cửa hàng bình ổn giá liên kết với Coopmart.

2.7 Thông tin và Truyền thông (Tiêu chí số 08)

- Xã có một bưu điện văn hóa xã tại ấp 5 đã được nâng cấp, sửa chữa và đầu tư trang thiết bị cho bưu điện văn hóa xã đảm bảo điều kiện phục vụ bưu chính.

- Toàn xã có 11 điểm truy cập Internet đang hoạt động ở 04 ấp (1, 2, 4, 5) - (ấp 1 có 2 điểm, ấp 2 có 2 điểm, ấp 4 có 1 điểm, ấp 5 có 1 điểm), ấp 3 chưa có.

- Trong quản lý, thực hiện công việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã đều có ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý văn bản, đăng ký hộ tịch, kế

toán...100% cán bộ, công chức đều có trình độ tin học từ chứng chỉ A trở lên.

2.8 Nhà ở dân cư (Tiêu chí số 09)

- Nhà tạm, dột nát: Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng: đạt 96% (5.079/5.291 căn, còn 07 căn xuống cấp cần hỗ trợ xây nhà tình thương).

- Trụ sở Ủy ban nhân dân, Công an, Quân sự xã đã được phê duyệt danh mục đầu tư trong Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015 nhưng chưa có vị trí đất thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đang xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố về sử dụng 02ha từ Khu tái định cư 12ha xã Đa Phước để thực hiện công trình này (theo Công văn số 1646/UBND về việc xin chủ trương thay đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng Khu tái định cư 12ha tại xã Đa Phước).

3. Kinh tế - Tổ chức sản xuất

3.1 Thu nhập (Tiêu chí số 10)

- Trong những năm qua cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đã từng bước chuyển đổi theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và thương mại. Cơ cấu kinh tế hiện nay của xã là nông nghiệp (46,8%) - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (45,8%) - thương mại, dịch vụ (7,4%).

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm là 9,5%.

- Thu nhập bình quân đầu người là 37,272 triệu/người/năm. Hiện nay do đô thị hóa, lao động đã có chuyển biến từ nông nghiệp sang các ngành dịch vụ và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tuy nhiên, các ngành dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chỉ phát triển được ở trục chính Quốc lộ 50, các khu vực khác của xã còn chưa phát triển, người dân chủ yếu có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp ở các ngành: lúa, rau, trồng hoa lan, nuôi trồng thủy sản, trong đó nuôi trồng thủy sản đang phát triển mạnh tại khu vực ấp 2, ấp 3, ấp 4 đem lại hiệu quả kinh tế cao.

3.2 Hộ nghèo (Tiêu chí số 11)

- Hộ nghèo (theo Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố) là 258/5.291 hộ (1.115 nhân khẩu) chiếm tỷ lệ 4,87% so với hộ dân trên xã, trong đó:

+ 33 hộ thuộc hộ nghèo nhóm 1;

+ 223 hộ thuộc hộ nghèo nhóm 2;

+ 02 hộ thuộc hộ nghèo nhóm 3.

3.3 Lao động có việc làm (Tiêu chí số 12)

- Tổng số lao động trong độ tuổi: 12.224 người (chiếm 55,7% tổng số dân toàn xã).

- Trong đó:

+ Lao động đang làm việc: 12.049 người (98,6%), đang đi học: 100 người (0,8%), nội trợ - chưa có việc làm: 75 người (0,6%).

+ Lao động nông nghiệp: 2.048 người, chiếm 17 %.

+ Lao động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 9.639 người, chiếm 80%.

+ Lao động thương mại - dịch vụ: 362 người, chiếm 03%.

- Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động trên địa bàn xã là: 98,6% (12.049/12.224 người).

3.4 Tổ chức sản xuất (Tiêu chí số 13)

- Hiện nay, trên địa bàn chưa thành lập Hợp tác xã.

- Hiện nay đã thành lập được các Tổ hợp tác gồm:

- 01 Tổ hợp tác chăn nuôi và tiêu thụ cá lóc gồm 12 thành viên.

- 01 Tổ hợp tác tôm xen cua gồm 05 thành viên.

- 01 Tổ hợp tác dịch vụ gia đình gồm 30 thành viên.

- 01 Tổ hợp tác se nhang gồm 04 thành viên.

Hiện nay, sản xuất và tiêu thụ hàng hóa hoạt động chủ yếu dựa trên sự hỗ trợ giữa các thành viên trong tổ hợp tác hoặc tổ ngành nghề mà chưa tạo được mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững, nên người dân gặp không ít khó khăn.

4. Văn hóa - Xã hội - Môi trường

4.1 Giáo dục và Đào tạo (Tiêu chí số 14)

Ủy ban nhân dân xã thường xuyên phối hợp với Ban Giám hiệu các trường nắm bắt tình hình học tập của học sinh ở các bậc học và tổ chức vận động 100% học sinh

không bỏ học ra lớp. Kết quả năm học 2015 - 2016:

- Tỷ lệ phổ cập giáo dục trung học cơ sở: 189/193 học sinh (98%).
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (Phổ thông, bổ túc, nghề): 187/187 học sinh (đạt 100%).
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 9.902/12.224 lao động (đạt 81%), trong đó có 4.059/9.902 lao động là nữ (đạt 41%)
- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: 314/314 trẻ (đạt 100%).
- Xóa mù chữ: 6050/6069 người (đạt 99,7%).

4.2 Y tế (Tiêu chí số 15)

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế hiện nay đạt 77% với 16.874/21.923 người tham gia.
- Trạm Y tế xã đạt 10/10 chuẩn theo Quyết định số 3447/QĐ-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- Tại Trạm Y tế có 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 03 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 hộ lý. Trang thiết bị và nhân sự tại Trạm Y tế xã đảm bảo điều kiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.
- Tỷ lệ người dân khám chữa bệnh thường xuyên, tiêm chủng dự phòng tại trạm y tế xã tăng bình quân mỗi năm 10% (năm 2015 là 1.351 lượt người; năm 2016 là 1.511 lượt người tăng 11,8 %, tiêm chủng đạt 96%)
- **Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao): 3,52% (41/1109 trẻ).**

4.3 Văn hóa (Tiêu chí số 16)

- Hiện nay có 05/05 ấp đạt ấp văn hóa 03 năm liền, đạt tỷ lệ 100%.
- Ủy ban nhân dân xã Đa Phước đạt "Công sở văn minh".
- Có 4.051 gia đình đạt gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 92,17%, biểu dương 50 gương người tốt, việc tốt tiêu biểu.
- Hàng năm, xã đều xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", phân công cán bộ, thành viên Ban chỉ đạo phụ trách các tiêu chuẩn xây dựng ấp văn hóa.

- Ủy ban nhân dân xã thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa - văn nghệ, thể thao tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và văn phòng các ấp với sự tham gia của nhiều người dân, hội viên các chi hội đoàn thể, đồng thời xã có 25 câu lạc bộ, đội nhóm văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao sinh hoạt định kỳ.

4.4 Môi trường và An toàn thực phẩm (Tiêu chí số 17)

- Về tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch là 3.679/5.291 hộ chiếm tỷ lệ 69,53%, chưa gắn được đồng hồ nước sạch trên 122 tuyến hẻm nhánh sẽ phát triển mạng cấp 3 giai đoạn 2017 - 2020, chưa sử dụng nước sạch trung chuyển từ bồn 5m³, chưa gắn thiết bị lọc nước hộ gia đình nhưng đang sử dụng nước sạch từ bình 20 lít trong ăn uống là 1.612/5.291 chiếm tỷ lệ 30,47%.

- Cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường: 84/84 cơ sở. Xã đã vận động các cơ sở sản xuất - kinh doanh chưa có giấy phép đăng ký bảo vệ môi trường liên hệ các cơ quan chức năng thực hiện đăng ký theo quy định; lập kế hoạch thực hiện kiểm tra thường xuyên các cơ sở sản xuất - kinh doanh, lập biên bản vận động, xử lý các cơ sở vi phạm gây ô nhiễm môi trường và đề xuất xử lý theo quy định.

- Thường xuyên phối hợp các ban ngành, đoàn thể, các Ban nhân dân ấp ra quân tổng vệ sinh môi trường và trồng cây xanh các tuyến đường trên địa bàn xã. Còn 10 tuyến đường chưa được trồng cây xanh. Tỷ lệ xanh hóa tường rào 15%.

- Các tuyến kênh rạch bị ô nhiễm, bị đổ thải chất thải rắn: có 03 tuyến kênh rạch bị ô nhiễm gồm kênh đường Bà Cả, rạch Chín Do, rạch Chùa; có nguy cơ ô nhiễm 05 tuyến rạch Tám Đức, Chín Cu, Chú Khánh, Sáu Vẽ, rạch tổ 12, 13 ấp 5. Tình hình xả thải nước thải ra kênh rạch: không có tình trạng xả thải trực tiếp ra sông, kênh, rạch. Các khu dân cư hiện hữu, nước thải sinh hoạt chưa được thu gom và xử lý, chủ yếu nước thải được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 03 sạch: 100%

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (53,6%): 19/41 hộ chăn nuôi bò không có hầm biogas, tuy nhiên 19 hộ chăn nuôi bò có nhu cầu sử dụng phân để tái sản xuất, trong thời gian tới địa phương sẽ vận động 19 hộ này có biện pháp xử lý đảm bảo môi trường.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy

định đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%.

5. Hệ thống chính trị

5.1 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (Tiêu chí số 18)

- Biên chế cán bộ công chức xã có 43 nhân sự, gồm: 11 cán bộ, 13 công chức và 19 không chuyên trách.

- Hiện xã đã có đầy đủ hệ thống tổ chức-chính trị, gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh xã.

- Năm 2016, Đảng bộ xã Đa Phước đạt kết quả hoàn thành nhiệm vụ. Chính quyền xã đạt kết quả hoàn thành nhiệm vụ. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu Chiến binh Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam đạt kết quả đơn vị xuất sắc.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

5.2 Quốc phòng và An ninh (Tiêu chí số 19)

- Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ cao điểm các ngày lễ lớn: Tết Nguyên đán, Giỗ tổ Hùng Vương (10/3), Ngày Giải phóng Miền Nam (30/4) và Quốc tế lao động (01/5), Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (2/9), Đại hội Đảng toàn quốc... và các đợt tiếp xúc cử tri.

PHẦN II

NỘI DUNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐA PHƯỚC, HUYỆN BÌNH CHÁNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng xã Đa Phước thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao, có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hoàn chỉnh, có

các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ. Nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị xã dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn thành phố giai đoạn 2016 - 2020, hiện nay xã Đa Phước đạt 06/19 tiêu chí.

Căn cứ Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, dự kiến tiến độ triển khai Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới xã Đa Phước giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- * Năm 2016: đạt 06/19 tiêu chí;
- * Năm 2017: đạt 12/19 tiêu chí;
- * Năm 2018: đạt 14/19 tiêu chí;
- * Năm 2019 - 2020: đạt 19/19 tiêu chí.

Hoàn thành các tiêu chí và được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, trong đó, đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

- Thực hiện đầu tư xây dựng các công trình thuộc Đề án nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới xã Đa Phước, giai đoạn 2016 - 2020.
- Triển khai thực hiện các nội dung trong Đề án nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới xã Đa Phước, giai đoạn 2016 - 2020.
- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, quản lý quy hoạch theo quy chế được duyệt (giúp người dân ổn định sản xuất, đảm bảo cho người dân có nơi đổ rác thải, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).
- Nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn có chất lượng, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.
- Nâng cấp hệ thống thủy lợi và cải tạo các tuyến kênh nội đồng đảm bảo tốt cho phục vụ sản xuất của người dân.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 100% số ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt $\geq 90\%$.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2020 tăng, đạt ≥ 63 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 21 triệu đồng/người/năm): mỗi năm giảm bình quân 04% trở lên và đến năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo dưới 01%.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch (Tiêu chí số 01)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 01 của Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2017.

* **Nội dung thực hiện:**

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp cấp huyện và cấp thành phố; bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt của xã Đa Phước. Quy hoạch sản xuất phải đảm bảo tính kết nối, thực hiện quy hoạch thủy lợi nuôi trồng thủy sản theo hướng đầu tư hệ thống kênh cấp nước và hệ thống kênh thoát nước riêng biệt; quy hoạch sản xuất phải phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp - dịch vụ - tiểu thủ công nghệ trên địa bàn xã để tăng thu nhập bền vững cho người dân và phát triển môi trường cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

- Triển khai thực hiện Đồ án quy hoạch nông thôn mới xã Đa Phước đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh phê duyệt tại Quyết định số 6615/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013. Tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo thực tiễn tình hình địa phương gắn với phát triển sản xuất nông nghiệp, định hướng đến năm 2020 diện tích hoa, cây kiểng là 15ha, diện tích nuôi cá kiểng là 5ha. Lập đồ án quy hoạch cho giai đoạn 2020 -2025, tiếp tục thực hiện công bố công khai các đồ án quy hoạch

được phê duyệt. Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Thực hiện Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2016 về triển khai rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Bình Chánh. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch. Cấm mốc các công trình hạ tầng kỹ thuật, các ranh quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (dự kiến cấm khoảng 1.000 mốc; mỗi mốc 1,5 triệu đồng) mốc theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/TT-BXD ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng.

- Rà soát nội dung Quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện quy hoạch đã ban hành. Lập nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm xã. Điều chỉnh quy mô quy hoạch Khu tái định cư 12ha còn 10ha. Trình duyệt quy hoạch dự án Nghĩa trang Đa Phước (1/500), Khu xử lý phân bón Sài Gòn Xanh (1/500), Khu xử lý rác (1/2000). Triển khai thực hiện dự án hành lang cây xanh cách ly. Xây dựng, tổ chức triển khai chương trình chỉnh trang nâng cấp khu dân cư hiện có, gắn với mẫu nhà nông thôn.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Quy hoạch và Kiến trúc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1 Giao thông (Tiêu chí số 2)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2019.

* **Nội dung thực hiện:**

- Đường trục áp, liên áp: cải tạo nâng cấp lên nhựa hóa 08 tuyến đường tổng chiều dài 14,662 km.

- Đường ngõ xóm: Cải tạo nâng cấp 04 tuyến đường hẻm lên bê tông, xi măng đạt 100% đường ngõ, xóm đạt bê tông xi măng tổng chiều dài 2,445km.

- Thực hiện chương trình chung sức xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ bê tông, xi măng 16 tuyến hẻm, tổng chiều dài 4.872m.

- Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng trên các tuyến đường được nâng cấp láng nhựa (08 tuyến đường).

2.2 Thủy lợi (Tiêu chí số 03)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2019.

*** Nội dung thực hiện:**

- Nạo vét 08 tuyến kênh rạch bị bồi lắng và khơi thông dòng chảy 04 tuyến kênh, kết hợp nâng cấp cửa van, tường cánh thượng hạ lưu điểm công ngang đường 4B trong dự án nạo vét rạch Chú Khánh, công ngang đường Tập đoàn 16 trong dự án nạo vét kênh đường Tập đoàn 16 và công ngang đường Bà Cả trong dự án nạo vét kênh đường Bà Cả, để đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước, dài 15,937km.

- Nâng cấp, sửa chữa Đập Hai Dầu.

- Tập trung rà soát, kiểm tra xử lý các trường hợp san lấp, lấn chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phát dọn cỏ rác, khơi thông dòng chảy.

2.3 Điện (Tiêu chí số 4)

* **Mục tiêu:** Phần đầu giữ vững yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt vào năm 2016.

*** Nội dung thực hiện:**

- Tăng cường tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả. Tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về tiết kiệm điện, công tác an toàn điện, sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, thống kê tỷ lệ hộ dân đã sử dụng thiết bị tiết kiệm điện.

- Phối hợp Công ty Điện lực Bình Chánh thực hiện tinh gọn dây điện, phát triển hệ thống điện 3 pha tuyến đường Quốc lộ 50 và các tuyến đường trục áp, phục vụ sản xuất.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Công Thương chủ trì, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

2.4 Trường học (Tiêu chí số 5)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2018.

* **Nội dung thực hiện:**

- Đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phân đầu trường Trung học cơ sở đạt chuẩn về cơ sở vật chất và trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia (nâng hiệu suất đào tạo đạt trên 80%).

- Nâng cấp, xây dựng Phòng tập đa năng, hồ bơi cho trường Trung học Phổ thông Đa Phước.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng Trường Mầm non Đa Phước và trường Tiểu học Đa Phước đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Quyết định chuẩn bị đầu tư (nguồn vốn ngân sách tập trung).

2.5 Cơ sở vật chất văn hóa (Tiêu chí số 6)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2017.

* **Nội dung thực hiện:**

- Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa tại các cơ sở vật chất đã được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cũng như tổ chức các hoạt động văn hóa trong cộng đồng, giao lưu văn hóa, văn nghệ, làm điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em (đảm bảo hoạt động chống đuối nước cho trẻ em). Phát huy vai trò xã hội hóa trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trên địa bàn xã. Triển khai cung cấp dịch vụ kết nối mạng điện tử với băng thông rộng tại các điểm sinh hoạt văn hóa ở các ấp.

- Đề nghị hỗ trợ từ chương trình chung sức xây dựng nông thôn mới để bổ sung trang thiết bị cho các Văn phòng ấp và nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng sinh hoạt của các câu lạc bộ, đội nhóm các Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa.

- Đầu tư thực hiện xây dựng các hạng mục công trình: Nhà văn hóa xã; Trụ sở Ủy ban nhân dân, Công an xã; Văn phòng ấp 1 kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa.

2.6 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Tiêu chí số 7)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn

Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2019.

*** Nội dung thực hiện:**

- Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho các nhà đầu tư xây dựng hệ thống thương mại dịch vụ dọc trục Quốc lộ 50 và các tuyến đường chính, bổ sung hàng tiêu dùng, vật tư phục vụ nông nghiệp. Rà soát kêu gọi đầu tư phát triển ít nhất 01 điểm siêu thị loại 3 hoặc cửa hàng tiện ích, tiện lợi thay thế loại hình chợ truyền thống (*nếu không thể kêu gọi đầu tư phát triển chợ truyền thống*) nhằm đảm bảo phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch xử lý tình trạng mua bán lấn chiếm lòng lề đường tại khu vực Ngã ba chú Lường thuộc ấp 4, điểm tự phát tại ấp 1; không để xảy ra tình trạng mua bán lấn chiếm gây ách tắc giao thông tại Quốc lộ 50.

- Rà soát, chọn địa điểm, giới thiệu phát triển triển hệ thống mạng lưới bán lẻ, cửa hàng tiện ích, cửa hàng bình ổn, siêu thị mini; phấn đấu phát triển ít nhất 01 điểm bán/năm. Giới thiệu, hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tham gia hội chợ kết nối cung cầu do huyện, thành phố tổ chức.

2.7 Thông tin và Truyền thông (Tiêu chí số 8)

*** Mục tiêu:** Phấn đấu giữ vững yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt vào năm 2016.

*** Nội dung thực hiện:**

- Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các dịch vụ bưu chính viễn thông gắn với thư viện để Bưu điện xã trở thành trung tâm phục vụ bưu chính gắn với các điểm truy cập dịch vụ Internet ở mỗi ấp tạo điều kiện để nhân dân mở mang kiến thức và phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường đưa công nghệ thông tin về đến các ấp trong xã thông qua đầu tư xây dựng đường truyền Internet tốc độ cao, bổ sung dung lượng, chất lượng. Đầu tư trang thiết bị, cơ cấu tổ chức cho hoạt động thư viện của bưu điện. Xây dựng Kios thông tin nông thôn mới; trang bị máy vi tính có kết nối internet tại Văn phòng các ấp phục vụ nhu cầu truy cập thông tin phục vụ phát triển sản xuất, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công cấp độ 3.

- Phát triển công nghệ thông tin, mạng điện tử (internet) về từng Văn phòng ấp để thuận tiện trong trao đổi thông tin. Bồi dưỡng chuyên đề kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin cho 12 cán bộ, công chức xã; tăng cường sử dụng hộp thư điện tử,

công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

- Xây dựng, lắp đặt hệ thống truyền thanh không dây trên địa bàn xã. Bao gồm nâng cấp 08 trạm truyền thanh hiện hữu, 01 hệ thống thiết bị phát sóng và làm chương trình phát thanh, 01 trụ ăngten phát sóng.

2.8 Nhà ở dân cư (Tiêu chí số 9)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2017.

*** Nội dung thực hiện:**

- Phổ biến, giới thiệu và khuyến khích nhân dân thực hiện xây dựng nhà theo nhà mẫu. Hỗ trợ người dân trong giải quyết các thủ tục hành chính về nâng cấp, sửa chữa nhà phù hợp kiến trúc, cảnh quan vùng nông thôn thành phố, dự kiến 200 trường hợp, phần đầu nhà đạt chuẩn trên 98% có lập kế hoạch cụ thể. Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đối với các trường hợp khó khăn, hộ cận nghèo, hộ nghèo nhằm đảm bảo tiêu chuẩn nhà 03 cứng.

- Tiếp tục hỗ trợ, vận động các hộ dân thuộc diện nhà tình nghĩa, nhà tình thương mở rộng thêm diện tích nhà để đảm bảo tiêu chuẩn $14m^2$ /người, đạt chuẩn của Bộ Xây dựng.

- Tổ chức các buổi giới thiệu quảng bá mẫu nhà để người dân biết, tham khảo và áp dụng.

- Đối với các khu vực đã có quy hoạch khu đô thị; đã xác định hành lang đường cao tốc, ven kênh rạch...nhưng chưa có quyết định thu hồi đất sẽ tổ chức hướng dẫn người dân xây dựng, sửa chữa nhà theo quy định hiện hành (cấp phép xây dựng có thời hạn) để tạo điều kiện cải thiện nhà ở cho các hộ dân.

3. Kinh tế và Tổ chức sản xuất

3.1 Thu nhập (Tiêu chí số 10)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 (thu nhập bình quân khu vực nông thôn đến năm 2020 \geq 63 triệu đồng/người/năm) vào năm 2019.

*** Nội dung thực hiện:**

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về triển khai thực hiện chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế trên địa bàn Huyện, giai đoạn 2016 - 2020.

- Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, Đề án, kế hoạch về phát triển sản xuất nông nghiệp đã được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành phù hợp với thực tế của địa phương. Trong đó, tập trung thực hiện công tác tập huấn, hướng dẫn người dân áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi giống, xây dựng thương hiệu...

- Tổ chức rà soát đánh giá lại hiệu quả các mô hình sản xuất, các loại cây trồng vật nuôi trên địa bàn để lựa chọn và nhân rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của địa phương, cụ thể như: vận động nhân dân thực hiện chuyển đổi trồng lúa sang nuôi cá kiểng, trồng rau ăn lá, trồng lan, nuôi tôm... Đồng thời thực hiện thí điểm các mô hình trồng dưa gang, dưa lưới, cây ăn trái. Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản (tôm, cua) tại khu vực Rạch Rô và khu tiếp nối với sông Cần Giuộc với tổng diện tích khoảng 70ha, khu vực sông Cần Giuộc ở phía Nam và phía Đông của xã có tổng diện tích khoảng 67ha. Nhân rộng mô hình trồng hoa lan dự kiến đến năm 2020 phát triển khoảng 15ha, bon sai cây cảnh, cá kiểng để người dân ứng dụng vào sản xuất, nâng cao thu nhập; xây dựng sản phẩm tôm là sản phẩm chủ lực của các xã bằng các hình thức: ứng dụng quy trình sản xuất VietGAP, quảng bá hình ảnh sản phẩm qua các kênh thông tin...

- Phối hợp các đơn vị liên quan đẩy mạnh các hoạt động tập huấn, tham quan học tập các mô hình sản xuất có hiệu quả, phù hợp với điều kiện của xã.

- Rà soát các vị trí đất phù hợp để giới thiệu, kêu gọi đầu tư phát triển sản xuất các ngành nghề phù hợp, lựa chọn một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp để đào tạo nghề nông thôn nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Tăng cường công tác tiếp xúc gặp gỡ doanh nghiệp, hộ kinh doanh để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh về thủ tục hành chính, vốn vay...

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở,

ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

3.2 Hộ nghèo (Tiêu chí số 11)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2019.

* **Nội dung thực hiện:**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố, giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bình Chánh về Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 (Chỉ tiêu số 7):

+ Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, không để tái nghèo; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ cơ bản (giáo dục - đào tạo, y tế, việc làm, bảo hiểm xã hội, nhà ở, điều kiện sống, thông tin) nhằm cải thiện và nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống và đảm bảo giảm nghèo bền vững.

+ Phần đầu hoàn thành giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm 2016 là 4-5%, trong năm 2017 là 3-4% trong đó không còn hộ nghèo nhóm 1; trong năm 2018 là 03% còn khoảng 120 hộ nghèo nhóm 2; trong năm 2019 là 01% còn 40 hộ nghèo nhóm 2; trong năm 2020 đến cuối giai đoạn giảm tỷ lệ hộ nghèo dưới 01%, hộ cận nghèo dưới 03% theo Nghị quyết số 40-NQ/ĐU ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Đảng ủy xã Đa Phước. Thực hiện Kế hoạch số 1481/KH-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã Đa Phước về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

+ Ban hành Kế hoạch cụ thể, có lộ trình, giải pháp để đến cuối năm 2020 thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng 3,5 lần so với năm 2011.

- Tổ chức thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn ấp, xã như các chương trình tín dụng ưu đãi của Ngân hàng chính sách, hỗ trợ người lao động mất việc làm, hỗ trợ xóa nhà tạm dột nát cho người nghèo, khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 06 tuổi, chính sách đối với người có công,... Tăng cường thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội,

góp phần đảm bảo tốt các chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ người nghèo và các đối tượng chính sách.

- Tiếp tục thực hiện chính sách về hỗ trợ vốn vay theo Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố. Thực hiện chính sách về mua thẻ bảo hiểm y tế cho các thành viên hộ nghèo, cận nghèo chưa tham gia bảo hiểm y tế diện khác.

- Tập huấn nâng cao nhận thức về giảm nghèo (theo phương pháp đa chiều) trong giai đoạn mới cho cả hệ thống chính trị và nhân dân xã Đa Phước để các chính sách giảm nghèo thực sự đi vào cuộc sống.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

3.3 Lao động có việc làm (Tiêu chí số 12)

* **Mục tiêu:** Phần đầu giữ vững yêu cầu tiêu chí số 12 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt vào năm 2016.

*** Nội dung thực hiện:**

- Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho học sinh lớp 9 và lớp 12; rà soát thống kê, cập nhật bổ sung nhu cầu đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề nông nghiệp. Rà soát, thống kê nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn. Đào tạo nghề, học vắn và tạo việc làm cho người nông dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã, góp phần ổn định cuộc sống cho người dân và yên tâm định cư. Đào tạo lao động có tay nghề trên địa bàn xã hướng đến đáp ứng nhu cầu lao động các doanh nghiệp, các khu công nghiệp đóng trên địa bàn xã hay các địa bàn lân cận nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp. Định kỳ hàng quý nắm tình hình thực trạng lao động địa phương như: mất việc làm, thiếu việc... để có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bình Chánh về đào tạo nghề và giải quyết việc làm, nhiệm kỳ 2015-2020 (Chỉ tiêu 5). Thực hiện lồng ghép các chương trình dạy nghề cho nông dân biết về quản lý

kinh tế, vững về kỹ thuật, khả năng tiếp thị; cán bộ xã giỏi về phát triển nông thôn, là nông cốt góp phần quan trọng trí thức hóa nông thôn. Ban quản lý liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện, các trường lân cận và các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động có việc làm, hướng đến khả năng xuất khẩu lao động.

- Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

3.4 Tổ chức sản xuất (Tiêu chí số 13)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2017.

*** Nội dung thực hiện:**

- Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia vào tổ hợp tác, hợp tác xã thông qua các buổi tập huấn tọa đàm.

- Bồi dưỡng, đào tạo Tổ trưởng, Tổ phó của các Tổ hợp tác (04 tổ) nhằm nâng cao về năng lực quản lý.

- Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý, điều hành hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Cùng cố hoạt động của các tổ hợp tác đã có, hướng dẫn hỗ trợ thành lập mới tổ hợp tác rau an toàn và hoa lan. Xác định tôm là sản phẩm chủ lực của xã. Cùng cố tổ hợp tác tôm xen cua để tiến tới hình thành hợp tác xã. Hỗ trợ các tổ hợp tác phát triển, xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững cho các sản phẩm tôm, hoa lan, cá cảnh...

- Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế tổ hợp tác.

- Phối hợp các cơ quan chuyên môn tập huấn, trang bị kiến thức cho Tổ hợp tác

nuôi tôm có điều kiện để chủ động phát triển hệ thống sản phẩm từ sản xuất đến tiêu thụ giúp làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao doanh thu.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

4. Văn hóa - Xã hội - Môi trường

4.1 Giáo dục và đào tạo (Tiêu chí số 14)

*** Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2017.

*** Nội dung thực hiện:**

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các chương trình như tập huấn khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề, đào tạo cán bộ tại chỗ. Tiếp tục giữ vững kết quả phổ cập giáo dục Trung học Cơ sở. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng bỏ học thông qua các giải pháp hỗ trợ cho học sinh và gia đình. Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, đảm bảo 100% trẻ 05 tuổi đến lớp thông qua các giải pháp hỗ trợ kinh phí cho các em có hoàn cảnh khó khăn, hộ cận nghèo, hộ nghèo.

- Tập trung thực hiện đạt kết quả tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, trung học nghề. Đẩy mạnh công tác phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc hướng nghiệp, tư vấn nghề nghiệp cho học sinh cuối cấp trong việc lựa chọn nghề nghiệp, việc làm, đặc biệt là các em học lực yếu để tiếp tục học phổ thông sang học nghề, bổ túc.

- Điều tra, khảo sát số liệu lao động chưa qua đào tạo để phối hợp, hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ học phí, mở các lớp đào tạo ngắn hạn tại xã. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố về nghề nông nghiệp. Giữ vững các chỉ tiêu đã đạt trong giai đoạn 2011 - 2015. Phần đầu đạt và giữ vững tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85%, trong đó có 40% là lao động nữ (đào tạo nghề cho 2.559 lao động từ các nguồn hỗ trợ đào tạo của Nhà nước, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và gia đình), tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt trên 80%.

- Phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng của xã đảm bảo các

hoạt động thường xuyên theo quy định. Rà soát, hỗ trợ cho người dân trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi tham gia học hết lớp 5.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch 3778/KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg về “đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” giai đoạn 2016 - 2020.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

4.2 Y tế (Tiêu chí số 15)

* **Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2017.

*** Nội dung thực hiện:**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đến năm 2020 đạt trên 95% và tham gia khám chữa bệnh thường xuyên, tiêm chủng dự phòng tại Trạm Y tế.

- Khảo sát, xác định chính xác: tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; Tỷ lệ người dân tham gia khám chữa bệnh thường xuyên, tiêm chủng dự phòng tại Trạm Y tế; Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi). Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân khám chữa bệnh thường xuyên, tiêm chủng dự phòng tại Trạm y tế xã tăng bình quân mỗi năm 10%. Kịp thời hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm y tế cho các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đột xuất.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện 10 tiêu chí để xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế, trong đó có tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi). Tăng cường thêm 01 bác sĩ, y tá nhằm bảo đảm công tác thăm khám chữa bệnh cho nhân dân xã.

- Đề nghị Trung tâm Y tế dự phòng huyện cử cán bộ y tế đi đào tạo hoặc tuyển dụng mới nhằm đảm bảo đến năm 2020 mỗi Trạm Y tế có từ 02 bác sĩ trở lên.

- Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

4.3 Văn hóa (Tiêu chí số 16)

* **Mục tiêu:** Phần đầu giữ vững yêu cầu tiêu chí số 16 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt vào năm 2016.

* **Nội dung thực hiện:**

- Phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tạo điều kiện để người dân tham gia xây dựng và hưởng thụ đời sống văn hóa, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em. Rà soát các bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách về quản lý và hoạt động các thiết chế văn hóa để đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm phát huy hiệu quả, công năng cơ sở vật chất đã được đầu tư. Xây dựng các chỉ tiêu về hoạt động văn hóa, thể thao đối với xã, hàng năm có 80% số cơ quan, đơn vị tại địa bàn đạt tiêu chuẩn công sở văn minh sạch đẹp an toàn, đơn vị văn hóa, 85% số dân thực hiện nếp sống văn minh trong tiệc cưới, việc tang, lễ hội, 20% số dân tham gia các hoạt động văn nghệ, 25% số dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên.

- Lựa chọn, đề xuất nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dòng họ, cộng đồng dân cư, ấp, xã. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy ước về nếp sống văn hóa; xây dựng kế hoạch thực hiện để đạt các chỉ tiêu: số ấp đạt tiêu chuẩn “ấp văn hóa” 3 năm liên tục; tỷ lệ gia đình văn hóa; tỷ lệ người dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên; tỷ lệ người tham gia hoạt động văn nghệ; tỷ lệ đám cưới, đám tang thực hiện nếp sống văn hóa; tỷ lệ người dân được phổ biến pháp luật và tập huấn khoa học kỹ thuật. Triển khai thực hiện, phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã; Phần đầu xây dựng ấp văn hóa 03 năm liền đạt trên 70%, gia đình văn hóa gương người tốt việc tốt năm 2015 tiếp tục giữ vững và vượt theo chỉ tiêu hàng năm, hàng năm có từ 10 đến 15 gương người tốt việc tốt được biểu dương ở ấp.

- Tổ chức định kỳ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao giữa các ấp trên địa bàn các xã - thị trấn, phối hợp giao lưu văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao với các xã - thị trấn trên địa bàn huyện Bình Chánh nhân kỷ niệm các Ngày Lễ lớn, các Ngày truyền thống như Hội thi văn hóa, văn nghệ, sáng tác thơ văn về nông thôn

mới; các giải thi đấu thể dục, thể thao...

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch xây dựng áp văn hóa, trong đó định kỳ hàng quý có kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung để có sự tập trung chỉ đạo thực hiện. Đầu tư trang thiết bị. Tổ chức và duy trì các lớp tuyên truyền pháp luật, khoa học kỹ thuật cho nông dân.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

4.4 Môi trường và An toàn thực phẩm (Tiêu chí số 17)

*** Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2017.

*** Nội dung thực hiện:**

- Phối hợp với Phòng Quản lý đô thị huyện, Công ty Cổ phần cấp nước Chợ Lớn xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch, phát triển mạng lưới đường ống cấp 3 đến 100% hộ dân trên địa bàn xã. Tập trung vận động nhân dân tham gia sử dụng nước sạch, hạn chế sử dụng nước giếng khoan.

- Tổ chức rà soát, lập danh sách cụ thể các cơ sở sản xuất kinh doanh. Trong đó xác định cụ thể các cơ sở chưa đạt tiêu chuẩn về môi trường và xác định mức độ ô nhiễm, nguồn ô nhiễm để phối hợp các đơn vị có liên quan hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện các quy định nhằm đảm bảo 100% cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường. Định kỳ kiểm tra xử lý vi phạm đối với các cơ sở không đạt tiêu chuẩn chất lượng về môi trường. Tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường và xử phạt theo Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn tại xã, áp theo quy hoạch. Rà soát, xác định nhu cầu và đăng ký số lượng cây xanh phân tán cần trồng mới trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020; vận động nhân dân trồng mới các loại cây xanh, dây leo phù hợp dọc các hàng rào, cải tạo vườn tạp.

- Vận động nhân dân đóng góp kinh phí cải tạo, nâng cấp hệ thống cống, rãnh thoát nước trong ấp, tổ. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phát quang, dọn cỏ rác, khơi thông cống rãnh trong và xung quanh nhà ở, cơ

quan, doanh nghiệp, các tuyến kênh mương nội đồng, dọc đường giao thông. Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ môi trường; có ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn vệ sinh chung, thường xuyên phối hợp các cơ quan chức năng kiểm tra các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và giải quyết các khiếu nại của người dân trên địa bàn xã.

- Khuyến khích việc nghiên cứu, đầu tư, ứng dụng các công trình xanh - sạch - đẹp; tạo điều kiện cho việc áp dụng các giải pháp mang tính cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

- Tập trung phát động các phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường (trong đó phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên, cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên); xây dựng cơ chế giám sát, phát hiện, tố giác các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng đối với công tác khắc phục ô nhiễm môi trường của các đơn vị vi phạm.

- Vận động nhân dân thay đổi tập quán chôn cất đất nhà, tăng cường hỏa táng, chôn cất tại nghĩa trang theo quy hoạch.

- Cùng cố nâng cao chất lượng hoạt động của 02 tổ thu gom trên địa bàn. Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ lực lượng thu gom tại nguồn chuyển đổi phương tiện phù hợp, đảm bảo vệ sinh theo chủ trương, chính sách chung của thành phố. Sắp xếp, mở rộng mạng lưới thu gom tại nguồn để đảm bảo các hộ gia đình đăng ký và chuyển giao chất thải rắn. Vận động 100% cơ sở sản xuất, hộ dân trên địa bàn tham gia đăng ký và thực hiện xử lý chất thải, nước thải theo đúng quy định. Tuyên truyền, vận động hộ gia đình phân loại và lưu giữ riêng chất thải nguy hại, tổ chức tuần lễ thu gom chất thải nguy hại định kỳ. Rà soát, hỗ trợ và hướng dẫn cho các hộ chưa thực hiện thu gom xử lý nước theo quy định thực hiện đúng quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, nhắc nhở các cơ sở, hộ gia đình vi phạm về môi trường. Đảm bảo thu 100% phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường hoặc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, đảm bảo 100% cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định hiện hành.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “xây dựng gia đình 05 không - 03 sạch”. Vận động nhân dân xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 03 sạch. Rà soát, cập nhật danh sách các hộ chưa có nhà tiêu, nhà

tắm, bể chứa nước sinh hoạt chưa đảm bảo 03 sạch để hướng dẫn, hỗ trợ việc xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 03 sạch.

- Rà soát lập danh sách các hộ chăn nuôi trên địa bàn, trong đó xác định các hộ chăn nuôi chưa có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, nằm xen cài trong khu dân cư để có kế hoạch vận động giảm đàn, chuyển đổi nghề phù hợp. Đối với các hộ phù hợp quy hoạch chăn nuôi, có giải pháp hỗ trợ cải tạo nâng cấp để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tổ chức điều tra hiện trạng, lập danh sách hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn chấp hành và thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác tuyên truyền nhân dân sử dụng thực phẩm sạch, thực phẩm an toàn và có nguồn gốc rõ ràng; triển khai thực hiện việc cam kết không sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn đến từng hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm để kịp thời phát hiện, xử lý theo quy định các trường hợp vi phạm.

- Phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Cảnh sát môi trường định kỳ kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn về Khu Liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Phước nhằm tránh trường hợp đổ thải, rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Đầu tư đường ống dẫn nước sạch cho người dân trên địa bàn xã (33.610m), đạt tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch 100%. Thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước sạch theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII kỳ họp thứ 20 về tỷ lệ hộ dân thành phố được cấp nước sạch đạt 100% năm 2016 (*thực hiện qua các giải pháp: phát triển mạng cấp 3, trạm cấp nước, lắp đặt bồn nước, đồng hồ tổng, đầu tư xã hội hóa, lắp đặt thiết bị lọc nước hộ gia đình...*). Thực hiện Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về cung cấp nước sạch trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản

lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

5. Hệ thống chính trị

5.1 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (Tiêu chí số 18)

* **Mục tiêu:** Phần đầu giữ vững yêu cầu tiêu chí số 18 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt vào năm 2016.

* **Nội dung thực hiện:**

- Tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ, công chức xã học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia tự đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã theo quy định; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Duy trì việc phân công công chức chuyên trách về nông thôn mới theo quy định.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch: xây dựng Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; xây dựng chính quyền xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ xã, thị trấn đến ấp - khu phố; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên làm nòng cốt trong xây dựng nông thôn mới. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “*Một số vấn đề cấp bách xây dựng Đảng hiện nay*”, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. 100% cán bộ, đảng viên đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Kết nạp ít nhất 50 đảng viên.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ xã, thị trấn đến ấp - khu phố triển khai thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng lực lượng nòng cốt thực chất trong đoàn viên, hội viên làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Thường xuyên kiện toàn, bổ sung nhân sự Ban Quản lý Nông thôn mới các xã, Ban Phát triển các ấp khi có biến động, thay đổi về nhân sự. Xác định rõ vai trò, trách

nhiệm, nhiệm vụ của từng thành viên trong Ban quản lý; đồng thời, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, xây dựng nông thôn mới nói riêng.

- Tổ chức triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới”. Mỗi cán bộ, công chức, đảng viên, đoàn viên, hội viên, hộ gia đình đăng ký thực hiện một nội dung thi đua. Mỗi đoàn thể, Chi bộ, ấp đăng ký 01 công trình thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, từng bước xây dựng nền hành chính văn minh, hiện đại; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để thực thi tốt nhiệm vụ được giao. Xây dựng chính quyền, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc triển khai các thiết chế tiếp cận pháp luật, bảo đảm điều kiện đáp ứng nhu cầu nâng cao nhận thức pháp luật, thực hiện, bảo vệ và phát huy quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; phát huy vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tổ chức đánh giá, công nhận xã - thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Triển khai thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

5.2 Quốc phòng và An ninh (Tiêu chí số 19)

* **Mục tiêu:** Phần đầu giữ vững yêu cầu tiêu chí số 19 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt vào năm 2016.

*** Nội dung thực hiện:**

- Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo các chỉ tiêu về quân sự - quốc phòng, hàng năm đạt 100% chỉ tiêu tuyển quân, trong đó có 01 đảng viên; xây dựng lực lượng dân quân đạt 100% quân số, trong đó đảm bảo tỷ lệ Đảng, đoàn trong dân quân theo quy định. Tổ chức rà soát, củng cố và kiện toàn lực lượng dân quân đảm bảo các yêu cầu theo quy định. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch nhằm hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng hàng năm.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện để xã đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc và nghiện hút) được hạn chế và giảm tỷ lệ xảy ra so với năm trước. Triển khai thực hiện công tác đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn; rà soát các nội quy, quy ước của ấp, tổ về trật tự an ninh, phòng chống tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu. Cần tập trung 02 nội dung:

+ Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào “quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc”; công tác đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo quy định của Bộ Công an. Ký kết các kế hoạch liên tịch với các ban, ngành đoàn thể nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác giữ gìn an ninh chính trị và an toàn xã hội; phối hợp với lực lượng chính trị nòng cốt ở cơ sở, gắn phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

+ Tỷ lệ trọng án đến năm 2020: xây dựng kế hoạch đấu tranh kéo giảm phạm pháp hình sự trên dân số thực tế tại địa bàn năm 2020 so với cuối năm 2015; phấn đấu nâng tỷ lệ khám phá phạm pháp hình sự và số lượng chuyên án các loại hiện nay như: cướp, cướp giật, trộm cắp tài sản, tỷ lệ khám phá án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 95, tỷ lệ khám phá án trộm cắp tài sản đạt trên 55%... Tổ chức tốt công tác nắm tình hình, tăng cường và nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh nhằm tiếp tục kiểm chế, kéo giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, góp phần đảm bảo tốt an ninh trật tự và thực hiện thắng lợi Chương trình Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Bình Chánh từ năm 2016 - 2020 và những năm tiếp theo.

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Công an Thành phố chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ban Chi

đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nông thôn mới xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, dự kiến là 286.996 triệu đồng, gồm:

1.1 Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 130.581 triệu đồng (chiếm 45,50%).

1.2 Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 156.415 triệu đồng (chiếm 54,50%).

2. Nguồn vốn:

2.1 Vốn từ Ngân sách nhà nước: 104.822 triệu đồng, chiếm 36,52%; trong đó:

+ Vốn nông thôn mới: 104.822 triệu đồng.

+ Vốn lồng ghép: 0 triệu đồng, chiếm; chia ra:

* Vốn ngân sách tập trung: 0 triệu đồng;

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: bố trí chi thường xuyên hàng năm của các Sở, ngành và huyện.

2.2 Vốn cộng đồng đóng góp: 116.674 triệu đồng, chiếm 40,65%; trong đó:

+ Vốn dân: 37.259 triệu đồng;

+ Vốn doanh nghiệp: 79.415 triệu đồng;

2.3 Vốn vay tín dụng: 65.500 triệu đồng, chiếm 22,82%.

2.4 Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2020.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ:

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1. Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Trong quá trình triển khai thực hiện Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước không thực hiện huy động theo quy định, có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo.

- Thực hiện Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thực hiện Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài

chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Thực hiện Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

- Thực hiện Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3.2 Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Thực hiện Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Thực hiện Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020 và Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế quản lý đầu tư xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Thực hiện Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố, ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành

phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 và và Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Phân công thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước:

- Đối với hạng mục công trình Văn phòng áp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp 1, Trụ sở Nhà Văn hóa xã và Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, sau khi có quyết định giao đất của cấp thẩm quyền phê duyệt, Liên sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính sẽ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt bổ sung và trong Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước, huyện Bình Chánh giai đoạn 2016 - 2020.

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong quá trình triển khai các công trình, dự án có nguồn vốn huy động ngoài ngân sách thì phải thực hiện xong nội dung huy động đóng góp mới bắt đầu khởi công triển khai công trình, dự án.

- Khi triển khai các công trình, dự án theo Đề án được phê duyệt, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh chỉ đạo chủ đầu tư và các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện thực hiện các nội dung trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư như sau:

+ Đối với đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng: phải đảm bảo thực hiện theo quy

hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch phát triển hạ tầng - kỹ thuật, phát triển kinh tế - xã hội đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với công trình giao thông: khảo sát, đánh giá địa hình, địa chất thủy văn và lực vực dọc tuyến để thiết kế hệ thống thoát nước cho phù hợp.

- Phân công các phòng ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2016 - 2020, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm, kế hoạch đầu tư trung hạn đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2. Các sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Đa Phước, huyện Bình Chánh chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở-ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Đa Phước và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Bình Chánh và xã Đa Phước; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt, thực hiện cắm mốc chỉ giới.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước rà soát các công trình cấp bách, phân kỳ đầu tư phù hợp với kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

- Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Điều phối Chương

trình xây dựng nông thôn mới thành phố cân đối nguồn vốn để đảm bảo đầu tư theo kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đa Phước, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn xã Đa Phước.

4.3. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh về nông thôn mới trên địa bàn xã Đa Phước, huyện Bình Chánh; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình của Thành ủy xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**BIỂU 1: TIẾN ĐỘ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ ĐA PHƯỚC - HUYỆN
BÌNH CHÁNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020
1	Quy hoạch		Đạt		Đạt	Đạt
2	Giao thông				Đạt	Đạt
3	Thủy lợi				Đạt	Đạt
4	Điện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5	Trường học			Đạt	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
10	Thu nhập				Đạt	Đạt
11	Hộ nghèo				Đạt	Đạt
12	Lao động có việc làm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất			Đạt	Đạt	Đạt
14	Giáo dục và Đào tạo		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
15	Y tế		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường và An toàn thực phẩm		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
18	Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
TỔNG CỘNG		6/19	12/19	13/19	19/19	19/19

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**BIỂU 2: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ MỤC TIÊU THỰC HIỆN
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
XÃ ĐA PHƯỚC, HUYỆN BÌNH CHÁNH**

GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí					
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %			
									2017	2018	2019	2020
1	Quy hoạch	1.1 Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2 Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt (đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch nhưng chưa thực hiện cắm mốc)	50%	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được bê tông hóa đạt chuẩn	100%	100%	100%	100%	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp, trục tổ được nhựa hóa hay bê tông xi măng	70%	100%	100%	24,2%	24,2	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ km đường tổ, hẻm được nhựa hóa hay bê tông xi măng	100%	100% cứng hóa	100%	48,3%	48,3	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí					
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %			
									2017	2018	2019	2020
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cấp phối xe cơ giới đi lại thuận tiện	65%	100%	100%	100%	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi	3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới nước và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	85%	85%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2 Đảm bảo điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt (còn 12 tuyến kênh rạch cần nạo vét)	50%	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	98%	99%	100%	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	80%	100%	100%	Chưa đạt (còn Trường THPT và THCS chưa đạt chuẩn quốc gia)	50	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt hóa, thể thao của xã	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa có	0	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí						
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %				
									2017	2018	2019	2020	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa có	0	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa và khu thể thao đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	100%	100%	100%	60%	60	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa có, có 02 chợ tạm	0	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.2. Có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.3 Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng.	80%	90%	98%	96% 5079/5291 (còn 200 căn chưa đạt chuẩn)	98	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí					
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %			
									2017	2018	2019	2020
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 63 triệu đồng/người/năm	≥ 63 triệu đồng/người/năm	≥ 63 triệu đồng/người/năm	37,272	100	Chưa đạt	50 triệu đồng/người/năm	58 triệu đồng/người/năm	64 triệu đồng/người/năm	>63 triệu đồng/người/năm
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	< 6%	3%	Mỗi năm giảm bình quân 1%	Chưa đạt (4,87%) 258/5291	60	Chưa đạt	4%	3%	<1%	<1%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$	Đạt	$\geq 95\%$	98,6% 12.049/12.224	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1 Có Hợp tác xã hoạt động đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Có 04 Tổ hợp tác, Chưa có Hợp tác xã	0	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2 Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa có	0	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
14	Giáo dục và	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	98,94	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí					
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %			
									2017	2018	2019	2020
	đào tạo	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	85%	90%	> 90%	Đạt	99,82	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.3. Tỷ lệ LD qua đào tạo	> 35%	> 40%	85%	81% 9902/12.224	81	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.4. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.			Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.5. Xóa mù chữ			Đạt	Đạt	99,41	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.6 Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥40%	≥45%	≥80%	Chưa thống kê	Chưa thống kê	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥70%	Đạt	≥95%	92% 16.874/21.923	92	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3 Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	<21,8%	<14,3%	<14,3%	5,4%	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí						
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %				
									2017	2018	2019	2020	
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn (ấp) trở lên đạt tiêu chuẩn thôn (ấp) VH theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	85%	90%	100%	44,45% (nước sạch)	44,45	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.3. Xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6 Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	≥90%	≥90%	100%	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí					
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %			
									2017	2018	2019	2020
		17.7 Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥70%	≥80%	≥80%	100%	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.8 Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	100%	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; Có công chức xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4 Chính quyền xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5 Các tổ chức chính trị xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí					
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %			
									2017	2018	2019	2020
		18.7 Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.1 Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng an ninh	19.2 Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đôn người kéo dài; không đề xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**BIỂU 3: DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐẦU TƯ VÀ PHÂN BỐ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
XÃ ĐA PHƯỚC, HUYỆN BÌNH CHÁNH,
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017

của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tiêu chí	Nội dung thực hiện	ĐVT	Số lượng	Chia theo nguồn vốn							
					Vốn ngân sách				Vốn dân	Vốn Doanh nghiệp	Vốn tín dụng	Tổng cộng
					Tổng	NTM	Lồng ghép					
Vốn huyện	Sự nghiệp											
TỔNG CỘNG					104.822	104.822			37.259	79.415	65.500	286.996
Tỷ lệ (%)					36,52				12,98	27,67	22,82	
I	QUY HOẠCH											
1	Quy hoạch	Tổng										
		Cắm mốc chỉ giới	Bản đồ	1								
II	HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI				104.822	104.822			16.759	9.000		130.581
2	Giao thông	Tổng		8.394	57.340	57.340			759			58.099
		Đường trục xã, liên xã										
		Đường trục ấp, liên ấp, trục tổ	m	7014	48.385	48.385			370			48.755
		Đường ngõ, xóm	m	1.380	8.955	8.955			389			9.344
		Đường nội đồng										
3	Thuỷ lợi	Tổng			44.382	44.382						44.382
		Cải tạo, nâng cấp hệ thống công thuỷ lợi	m	11.537	43.982	43.982						43.982

		Sửa chữa 01 điem công	cái	4	400	400					400	
4	Điện	Tổng							7.000		7.000	
		Tinh gọn dây dẫn điện	tuyến	14					7.000		7.000	
5	Trường học	Tổng			2.500	2.500					2.500	
		Nâng cấp Trường THPT Đa Phước		1	2.500	2.500					2.500	
6	Cơ sở vật chất văn hoá	Tổng										
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Tổng							6.000		6.000	
		Phát triển cửa hàng bình ổn	Cửa hàng	5					6.000		6.000	
8	Thông tin và truyền thông	Tổng			600	600				2.000	2.600	
		Nâng cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại bưu điện xã	Bưu điện	1						2.000	2.000	
		Đầu tư hệ thống truyền thanh không dây	Bộ	1	600	600					600	
9	Nhà ở dân cư	Tổng			0	0			10.000		10.000	
		Cải tạo, nâng cấp nhà đạt chuẩn	nhà	200					10.000		10.000	
III	KINH TẾ-TỔ CHỨC SẢN XUẤT								11.000	12.000	60.000	83.000
10	Thu nhập	Tổng							5.000	8.000	30.000	43.000
		Hỗ trợ các hình thức phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập							5.000	8.000	30.000	43.000
11	Hộ nghèo	Tổng							2.000	5.000	7.000	

		Tỷ lệ hộ nghèo (giảm dưới <2 %)							2.000	5.000	7.000
12	Lao động có việc làm	Tổng						1.000		5.000	6.000
		Giải quyết việc làm cho lao động						1.000		5.000	6.000
13	Tổ chức sản xuất	Tổng						5.000	2.000	20.000	27.000
		Thành lập mới tổ hợp tác						5.000	2.000	20.000	27.000
IV	VĂN HOÁ XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG							9.500	58.415	5.500	73.415
14	Giáo dục và đào tạo	Tổng						1.500	2.000	5.500	9.000
		Xây dựng các chương trình tập huấn KHKT, hỗ trợ đào tạo nghề						500	2.000	5.500	8.000
		Tuyên truyền, vận động con em trong độ tuổi được đi học, nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp các cấp						1.000			1.000
15	Y tế	Tổng						6.000	4.000		10.000
		Hỗ trợ các hình thức bảo hiểm y tế. Tổ chức các hoạt động y tế cộng đồng						6.000	4.000		10.000
16	Văn hoá	Tổng						1.000	1.000		2.000
		Hỗ trợ các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh						1.000	1.000		2.000
17	Môi trường và an toàn	Tổng						1.000	51.415		52.415
		Xây dựng đường ống cấp nước sạch	m	33.610					50.415		50.415

	thực phẩm	Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường, xanh hóa hàng rào							1.000	1.000		2.000
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI											
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Tổng cộng										
		Đào tạo cán bộ cơ sở, xây dựng CT liên tịch giữa các đoàn thể chính trị,...										
19	Quốc phòng và an ninh	Tổng										
		Tuyên truyền, vận động toàn dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, chủ trương của Đảng, nhà nước.										

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**BIỂU 4: CHI TIẾT DANH MỤC CÁC HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ THUỘC
ĐỀ ÁN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ ĐA PHƯỚC, HUYỆN BÌNH CHÁNH**

GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban

TT	Công trình đề xuất	Địa điểm (Áp)	Hiện trạng			Đầu tư			Kinh phí thực hiện (triệu đồng)							Ghi chú
			Dài (m)	Rộng (m)	Kết cấu	Dài (m)	Rộng (m)	Kết cấu	Vốn ngân sách				Vốn cộng đồng		Tổng cộng	
									Tổng	NTM	Vốn huyện	Sự nghiệp	Dân	Doanh nghiệp		
TỔNG CỘNG									104.822	104.822			16.759	9.000	130.581	
I	GIAO THÔNG								57.340	57.340			759		58.099	
1	Đường trục áp, liên áp, trục tổ		7.014			7.014			48.385	48.385			370		48.755	
1.1	Nâng cấp đường Liên áp 1-2	1 và 2	1.005	6	Mặt đường cấp phối đá dăm 5m + Lề 0,5mx2	1.005	6	Mặt đường láng nhựa 5m + Lề đá dăm 0,5m x 2 + hệ thống thoát nước	8.400	8.400			60		8.460	Dân đóng góp tiền mặt để làm đường
1.2	Nâng cấp đường 4B	4	1.081	6	Mặt đường cấp phối đá dăm 5m + Lề 0,5mx2, thoát nước tự nhiên	1.081	6	Mặt đường láng nhựa 5m + Lề đá dăm 0,5m x 2 + hệ thống thoát nước	9.047	9.047			60		9.107	Dân đóng góp tiền mặt để làm đường

1.3	Nâng cấp đường 4C	4	1.075	5,5	Mặt đường cấp phối đá dăm 5m + Lề 0,25mx2	1.075	5,5	Mặt đường láng nhựa 5m + Lề đá dăm 0,25mx2	5.193	5.193			50	5.243	Dân đóng góp tiền mặt để làm đường
1.4	Nâng cấp đường Tập đoàn 16	5	1.197	5	Mặt đường cấp phối đá dăm 5m	1.197	5	Mặt đường láng nhựa 4m + Lề đá dăm 0,5mx2	5.655	5.655			55	5.710	Dân đóng góp tiền mặt để làm đường
1.5	Đường Tập đoàn liên doanh	2 và 3	2656	4	Mặt đường cấp phối đá dăm 4m	2656	4	Mặt đường Láng nhựa 3m, lề đá dăm 0,5mx2 + 04 điểm cống ngang	15.440	15.440			90	15.530	Dân đóng góp tiền mặt để làm đường
1.6	Đường Linh Hòa	4	750	5	Mặt đường láng nhựa 4m, lề 0,5mx2 + thoát nước tự nhiên	750	5	Cải tạo mặt đường + Lắp đặt hệ thống thoát nước	4.650	4.650			55	4.705	Dân đóng góp tiền mặt để làm đường
2	Đường hẻm, tổ		1.380			1.380			8.955	8.955			389	9.344	

1	Hèm liên tổ 9,10 ấp 4	4	810	3	Đá dăm	810	3	Cải tạo mặt đường + Lắp đặt hệ thống thoát nước	5.265	5.265			25	5.290	Dân đóng góp tiền mặt để làm đường
2	Hèm liên tổ 4, 5	3	570	2	Mặt đường cấp phố đá dăm 2m	570	4	Mặt đường bê tông xi măng 3m + Lề 0,5m x 2	3.690	3.690			364	4.054	Dân hiến đất 100%
II	THỦY LỢI		11.53 7			11.537			44.382	44.382				44.382	
1	Rạch tổ 11-12 -13	5	750	3	Bồi lắng	750	3	Nạo vét, khơi thông dòng chảy	3.300	3.300				3.300	
2	Kênh đường 4C	4	900	2,5	Bồi lắng	900	2,5	Nạo vét, khơi thông dòng chảy	500	500				500	
3	Kênh đường Tập đoàn 16	5	907	3	Bồi lắng	907	3	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, nâng cấp 01 điểm cống ngang	900	900				900	
4	Rạch Tám Đức	2	1.100	2,5	Bồi lắng	1.100	2,5	Nạo vét, khơi thông dòng chảy	3.502	3.502				3.502	
5	Rạch Sáu Vẽ	4	850	2,5	Bồi lắng	850	2,5	Nạo vét, khơi thông dòng chảy	3.040	3.040				3.040	

6	Rạch Chín Cu	2	1.800	4	Bồi lắng	1.800	4	Nạo vét, khơi thông dòng chảy	8.424	8.424					8.424	
7	Rạch Chú Khánh	4	1.500	5	Bồi lắng	1.500	5	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, nâng cấp 01 điểm cống ngang	8.450	8.450					8.450	
8	Rạch cống Năm Nhã	2	1.230	3	Bồi lắng	1.230	3	Nạo vét, khơi thông dòng chảy	3.616	3.616					3.616	
9	Rạch nhỏ tổ 3 ấp 3	3	2.500	5	Bồi lắng	2.500	5	Nạo vét, khơi thông dòng chảy	12.250	12.250					12.250	
10	Đập Hai Dấu	1	cửa van, tường cánh thượng hạ lưu xuống cấp			nâng cấp cửa van, tường cánh thượng hạ lưu			400	400					400	
III	TRƯỜNG HỌC								2.500	2.500					2.500	
1	Trường THPT Đa Phước	4	Cơ sở vật chất chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong giai đoạn 2016 - 2020			Sơn sửa toàn bộ các hạng mục hiện có của nhà trường			2.500	2500					2.500	
IV	ĐIỆN													7.000	7.000	

1	Tinh gọn dây dẫn điện 14 tuyến đường	5 áp	Chưa có	Tinh gọn dây điện						7.000	7.000		
V	CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN									6.000		6.000	
1	Phát triển các cửa hàng bình ổn giá, cửa hàng tiện ích	05 áp	Có 01 cửa hàng bình ổn	Phát triển thêm 04 cửa hàng						6.000		6.000	
VI	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG				600	600					2.000	2.600	
1	Nâng cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông tại Bưu điện xã	áp 5	Chưa hoàn chỉnh	Nâng cấp thêm						2.000		2.000	
2	Xây dựng, lắp đặt hệ thống truyền thanh không dây	05 áp	Hệ thống truyền thanh của xã đã xuống cấp	Xây dựng mới, bao gồm nâng cấp 08 trạm truyền thanh hiện hữu, 01 hệ thống thiết bị phát sóng và làm chương trình phát thanh, 01 trụ ăngten phát sóng	600	600						600	
VIII	NHÀ Ở DÂN CƯ									10.000		10.000	
1	Xây dựng, cải tạo nhà đạt chuẩn	5 áp	Chưa đạt chuẩn	Cải tạo 200 căn nhà đạt chuẩn,						10.000		10.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**BIỂU 5: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ CHUYỂN DỊCH LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP
XÃ ĐA PHƯỚC - HUYỆN BÌNH CHÁNH, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Ngành nghề	Hiện trạng 2010		Hiện trạng 2015		Định hướng 2020		Tỷ lệ tăng, giảm 2020/2015 (%)		Nhận định về tính hiệu quả và khả năng phát triển (*)
		Lao động	Quy mô hộ	Lao động	Quy mô hộ	Lao động	Quy mô hộ	Lao động	Quy mô hộ	
I. NÔNG NGHIỆP										
1	Lúa nước	692	139	594	118	300	90	-50	-76	Không hiệu quả do thu nhập thấp
2	Hoa lan, cây kiểng	50	13	67	15	90	16	134	106	Hiệu quả
3	Rau an toàn	290	62	312	68	350	72	106	106	Hiệu quả
4	Mía	90	19	103	22	50	10	-48	-45	Không hiệu quả do thu nhập thấp
5	Bò thịt, dê	34	7	51	9	70	15	137	166	Hiệu quả
6	Heo	68	10	78	12	90	15	115	125	Hiệu quả
7	Rắn, lươn, ếch	0	0	83	14	100	20	120	143	Hiệu quả

8	Cá da trơn, cá lóc	130	28	154	32	170	35	110	109	Hiệu quả
9	Tôm sú, cua	87	18	198	42	250	70	126	166	Hiệu quả
10	Hoa nèn	50	11	68	14	100	20	147	143	Hiệu quả
II. TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ										
1	Nấu đấm	90	22	103	22	110	26	106	118	Duy trì
2	Sửa chữa, cơ khí	64	17	75	19	100	25	133	131	Hiệu quả
3	Xe nhạng	45	7	16	3	10	3	-62,5	100	Duy trì
4	Máy gia công	120	84	136	91	150	95	110	104	Hiệu quả
5	Buôn bán nhỏ	268	198	282	209	500	300	177	144	Hiệu quả

(*): (1) hiệu quả, phát triển tốt, có khả năng phát triển, (2) Hoạt động ở mức duy trì, (3) Không hiệu quả, nguyên nhân.....

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số lao động	12.224	12.824	13.424	14.124	14.724	15.324
Lao động nông nghiệp	1.708	1.678	1.646	1.612	1.576	1.570
Tỷ lệ (%)	14	13	12,2	11,4	10,7	10,3

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng